

Số: 68/BC-UBND

Phường Nguyễn Du, ngày 26 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

**Tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2019
tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm,
nhiệm vụ và giải pháp thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020**

PHẦN THỨ NHẤT BÁO CÁO TỔNG QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2019

Thực hiện Quyết định số 2686/ QĐ- UBND ngày 29 tháng 12 năm 2018 của UBND Thành phố Hà Tĩnh về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2019; Nghị quyết số 28/NQ - HĐND ngày 10 tháng 01 năm 2019 của HĐND phường Nguyễn Du khóa III kỳ họp thứ 6, nhiệm kỳ 2016-2021 về nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2019 và Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân Phường Nguyễn Du về việc điều chỉnh nhiệm vụ chi ngân sách năm 2019.

Năm 2019 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2021, nhiều chính sách thuế phí thay đổi, dự toán thu ngân sách được cấp trên giao cao, đặc biệt là chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất kế hoạch giao quá cao 50 tỷ đồng, thực hiện 6,2 tỷ đồng chỉ đạt 12,0 % kế hoạch) nên tổng thu các khoản thuế phí, lệ phí ...theo chỉ tiêu kế hoạch giao trên địa bàn đạt thấp (50%). Song bên cạnh đó nhờ được sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của UBND Thành phố Hà Tĩnh, Phòng tài chính kế hoạch Thành phố; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, sự quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân Phường và sự phối kết hợp chặt chẽ của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể xã hội từ cấp phường đến Tổ dân phố, nên trong năm qua Ủy ban nhân dân Phường đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong lĩnh vực tài chính ngân sách. Tổng thu ngân sách phường được hưởng theo chỉ tiêu kế hoạch giao đạt 97,16% dự toán HĐND Phường giao, chi ngân sách đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của địa phương.

Những kết quả cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách: Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2019 thực hiện được: 37.388.442.035 đồng, trong đó thu theo chỉ tiêu kế hoạch giao 33.419.811.435 đồng/ 66.988.000.000 đồng. Đạt 50,0 % kế hoạch giao

Thu Ngân sách Phường được hưởng: 7.627.675.525 đồng

Trong đó: - Các khoản thu Ngân sách theo chỉ tiêu kế hoạch giao: 3.659.044.925 đồng/ 2.645.000.000 đồng, đạt 138,2 % kế hoạch giao,

- | | |
|---|--------------------|
| - Thu bổ sung Ngân sách từ cấp trên: | 3.035.260.400 đồng |
| - Thu kỐt d- ng©n s, ch n' m tr-íc: | 43.413.943 đồng |
| - Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước: | 880.497.257 đồng |
| - Thu đóng góp xây dựng CSHT: | 9.459.000 đồng |

Những kết quả cụ thể đạt được trong năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: **Đồng**

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch UBND Thành Phố giao	Kế hoạch HĐND Phường giao		Thực hiện năm 2019		Đạt tỷ lệ % so với kế hoạch HĐND giao	
			NSNN	NS Phường được hưởng	NSNN	NS Phường được hưởng	NSNN	NS Phường
A	Thu ngân sách	69.118.000.000	69.218.000.000	4.875.000.000	37.382.085.335	7.621.318.825	54,01	156,33
I	Thu ngân sách theo chỉ tiêu KH	66.988.000.000	66.988.000.000	2.645.000.000	33.413.454.735	3.652.688.225	49,9	138,10
1	Thuế ngoài quốc doanh	7.477.000.000	7.477.000.000	391.000.000	16.259.880.722	443.303.020	217,47	113,38
1.1	Thuế GTGT và TNDN	7.477.000.000	7.477.000.000	391.000.000	16.124.006.222	375.365.770	215,65	
-	Thuế giá trị gia tăng hộ cá thể	1.957.000.000	1.957.000.000	391.000.000	1.876.826.077	375.365.770	95,90	
-	Thuế giá trị gia tăng +TNDN của doanh nghiệp trên địa bàn	5.520.000.000	5.520.000.000	0	14.247.180.145	0	258,10	
1.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	135.874.500	67.937.250		
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	610.000.000	610.000.000	610.000.000	920.604.620	920.604.620	150,9	150,9
4	Phí, lệ phí	315.000.000	315.000.000	264.000.000	258.492.000	205.092.000	82,06	77,69
4.1	Thu phí(Chứng thực+ Visa hè)	230.000.000	230.000.000	230.000.000	169.492.000	169.492.000		
4.2	Lệ phí môn bài	85.000.000	85.000.000	34.000.000	89.000.000	35.600.000		
5	Lệ phí trước bạ	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.899.645.285	1.899.645.285	146,13	146,13
6	Thu khác ngân sách	80.000.000	80.000.000	80.000.000	190.400.000	190.400.000	238,00	238,00
6.1	Thu hoa lợi đất công				89.600.000	89.600.000		
6.2	Thu xử phạt vi phạm khác(TTĐT)				100.800.000	100.800.000		
7	Thuế thu nhập cá nhân	3.106.000.000	3.106.000.000		3.275.299.295		105,45	
8	Tiền thuê đất	4.100.000.000	4.100.000.000		4.383.228.547		106,91	
9	Tiền sử dụng đất	50.000.000.000	50.000.000.000		6.232.260.966		12,46	
II	Thu bổ sung NS từ cấp trên	2.130.000.000	2.130.000.000	2.130.000.000	3.035.260.400	3.035.260.400		
1	Thu bổ sung cân đối	2.130.000.000	2.130.000.000	2.130.000.000	2.128.115.400	2.128.115.400	99,91	99,91
2	Thu bổ sung có mục tiêu				907.145.000	907.145.000		
III	Thu đóng góp Xây dựng cơ sở hạ tầng		100.000.000	100.000.000	9.459.000	9.459.000	9,46	9,46
III	Thu kết dư ngân sách năm trước				43.413.943	43.413.943		
IV	Thu chuyển nguồn				880.497.257	880.497.257		

2. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách năm 2019: 7.101.779.017 đồng

Trong đó: +Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 570.603.162 đồng

+Chi thường xuyên: 5.282.917.281 đồng

+Chi chuyển nguồn sang năm sau: 1.248.258.574 đồng

Những kết quả cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch UBND Thành Phố giao	Kế hoạch HĐND Phường giao	Thực hiện	Đạt tỷ lệ % so với kế hoạch HĐND giao
	Tổng chi ngân sách	4.775.000.000	4.875.000.000	7.101.779.017	145,7
A	Chi đầu tư XDCB		100.000.000	570.603.162	570,6
I	Nguồn huy động đóng góp		100.000.000	0	-
II	Nguồn chuyển nguồn			158.104.162	
1	Cải tạo bó vỉa đường Nguyễn Du			158.104.162	
III	Nguồn NS thành phố (ghi thu ghi chi)			353.143.000	
1	Đường giao thông năm 2018			48.246.000	
2	Đường giao thông phường Nguyễn Du năm 2019			300.082.000	
3	Rãnh thoát nước phường Nguyễn Du năm 2019			4.815.000	
IV	Nguồn NS phường bố trí			59.356.000	
1	Lát vỉa hè sân vận động Phường Nguyễn Du			59.356.000	
B	Chi thường xuyên	4.584.000.000	4.485.400.000	5.282.917.281	117,8
I	An ninh	35.000.000	31.500.000	273.748.000	869,0
1	Chi hỗ trợ công an phường (từ nguồn NS cấp trên hỗ trợ và nguồn xử phạt)			225.373.000	
2	Chi hoạt động khác			48.375.000	
II	Quốc phòng + Dân quân tự vệ	159.000.000	149.000.000	158.098.350	106,1
1	Phụ cấp thâm niên CB quân sự và PC Dân quân tự vệ		49.923.180	48.083.350	
2	Hoạt động		99.076.820	110.015.000	
III	Văn hoá+ cụm dân cư	60.000.000	64.500.000	150.350.600	233,1
1	Văn hoá		33.000.000	118.850.600	
-	Chi tuyên truyền		5.000.000	15.680.000	

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch UBND Thành Phố giao	Kế hoạch HĐND Phường giao	Thực hiện	Đạt tỷ lệ % so với kế hoạch HĐND Phường giao
-	Chi chỉnh trang nhà văn hóa các TDP			15.000.000	
-	Phụ cấp CB phụ trách CNTT			1.728.000	
-	Chi hỗ trợ Tổ dân phố 4 hoạt động (từ nguồn NS tỉnh hỗ trợ)			20.000.000	
-	Chi khen thưởng tổ dân phố văn hóa, khen thưởng gia đình văn hóa 3 năm liên tục			17.805.000	
-	Chi mua loa máy phục vụ tại hội trường			15.500.000	
-	Hoạt động văn hóa khác		28.000.000	33.137.600	
2	Hoạt động cụm dân cư		31.500.000	31.500.000	
IV	Thể dục thể thao	25.000.000	27.500.000	137.487.000	499,9
-	Chi chỉnh trang sân bóng tổ dân phố 3 (NS tỉnh hỗ trợ)			20.000.000	
-	Chi tổ chức điểm "ngày chạy olimpic vì sức khỏe toàn dân"			49.970.000	
-	Chi hỗ trợ câu lạc bộ thể thao TDP 3 (NS tỉnh hỗ trợ)			10.000.000	
-	Chi phí tham gia các giải đấu bóng đá, bóng chuyền tại thành phố và các hoạt động khác			57.517.000	
V	Sự nghiệp xã hội	166.000.000	162.700.000	239.623.404	147,3
1	Hưu xã + BHYT Hưu xã		106.000.000	94.174.604	
2	Bảo hiểm y tế CCB+ QĐ 62		26.271.000	29.548.800	
3	Sự nghiệp XH khác		30.429.000	115.900.000	
-	Quà cụ cao tuổi			29.050.000	
-	Mai táng phí các đối tượng			13.900.000	
-	Chi các hoạt động			72.950.000	
VII	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.846.000.000	3.756.706.117	3.922.015.327	104,4
1	Chi hành chính - khối UBND		2.123.440.030	2.204.683.930	103,8
-	Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp		987.702.030	1.013.617.175	

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch UBND Thành Phố giao	Kế hoạch HĐND Phường giao	Thực hiện	Đạt tỷ lệ % so với kế hoạch HĐND giao
-	Tiền công hợp đồng(bảo vệ, ủy nhiệm thu, tạp vụ...)		126.000.000	46.000.000	
-	Phụ cấp Cán bộ không chuyên trách ở Phường+ BH		104.250.000	111.432.400	
-	Phụ cấp cộng tác viên dân số		60.048.000	35.388.000	
-	Công tác phí		70.800.000	68.300.000	
-	Phụ cấp tổ trưởng TDP		120.096.000	146.989.500	
-	Phụ cấp tổ phó tổ dân phố		108.420.000	63.895.000	
-	Phụ cấp tổ bảo vệ dân phố		108.420.000	63.895.000	
-	Chi bồi dưỡng những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khác ở TDP theo NQ 156			56.834.000	
-	PC cán bộ trực 1 cửa		27.600.000	33.300.000	
-	Phụ cấp Ban khuyến nông, chi hội trưởng người cao tuổi các TDP		21.600.000	9.800.000	
-	PC cho CB kiểm soát đầu mối		3.600.000	3.600.000	
-	Chi bồi dưỡng cán bộ tiếp dân, xử lý đơn thư		9.000.000	19.700.000	
-	Chi hội nghị		36.000.000	17.360.000	
-	Văn phòng phí, mua vật rẻ		18.000.000	30.552.000	
-	Nước văn phòng		10.800.000	9.825.000	
-	Điện thấp sáng, nước sinh hoạt, phí vệ sinh môi trường		45.000.000	60.003.391	
-	Báo chí		22.500.000	26.425.000	
-	Quỹ khen thưởng		18.000.000	22.090.000	
-	Điện thoại + Internet		10.800.000	10.975.800	
-	Mua sắm, sửa chữa nhỏ thiết bị, đồ dùng		43.600.000	66.299.600	
-	Chi tuyên truyền từ sách pháp luật		2.700.000	-	
-	Chi hoạt động Dân số		10.800.000	21.400.000	
-	Chi hoạt động thanh tra nhân dân		2.700.000	2.700.000	
-	Chi trả chế độ thôi việc ngay theo Nghị định số 108 của Chính phủ			118.046.000	
-	Chi hoạt động		155.004.000	146.256.064	

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch UBND Thành Phố giao	Kế hoạch HĐND Phường giao	Thực hiện	Đạt tỷ lệ % so với kế hoạch HĐND giao
2	Hoạt động khối Đảng		626.882.947	661.669.242	105,5
-	Lương và các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp		207.342.547	203.826.592	
-	Phụ cấp CB không chuyên trách + BH		28.856.400	22.826.950	
-	Phụ cấp Cấp uỷ		75.060.000	77.760.000	
-	Phụ cấp Bí thư chi bộ kiêm trưởng ban CT mặt trận		131.772.000	165.963.500	
-	Phụ cấp Chi ủy viên kiêm thanh tra nhân dân		48.372.000	16.414.000	
-	Phụ cấp ủy viên UB kiểm tra		16.680.000	11.082.000	
-	Công tác phí		10.800.000	10.800.000	
-	Chi hoạt động tổ chức cơ sở Đảng		76.500.000	76.530.000	
-	Chi hoạt động		31.500.000	76.466.200	
3	Hoạt động HĐND		224.419.440	236.086.180	105,2
-	Phụ cấp Sinh hoạt phí Đại biểu HĐND (Cả BHYT)		120.096.000	126.346.500	
-	Phụ cấp Kiểm nhiệm + PC các Ban HĐND		29.323.440	23.074.680	
-	Kinh phí hoạt động		75.000.000	86.665.000	
4	Hoạt động Mặt trận, các đoàn thể		781.963.700	760.459.975	97,2
-	Mặt trận tổ quốc Việt Nam		152.889.780	175.695.847	114,9
+	Lương, phụ cấp cán bộ		80.205.780	73.408.752	
+	Công tác phí		6.000.000	7.200.000	
+	Phụ cấp PCT UB MTTQ		21.684.000	25.969.695	
+	Chi hoạt động		45.000.000	69.117.400	
-	Đoàn thanh niên		143.290.630	127.356.820	88,9
+	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp		64.213.830	64.203.220	
+	Phụ cấp PBT Đoàn		4.336.800		
+	Phụ cấp BT chi đoàn		45.240.000	28.507.000	
+	Công tác phí		4.800.000	3.600.000	
+	Chi hoạt động		24.700.000	31.046.600	

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch UBND Thành Phố giao	Kế hoạch HĐND Phường giao	Thực hiện	Đạt tỷ lệ % so với kế hoạch HĐND giao
-	Hội Phụ nữ		163.161.630	161.373.634	98,9
+	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp		71.970.030	72.600.484	
+	Phụ cấp PCT Hội + Bảo hiểm		24.519.600	28.189.550	
+	Phụ cấp Chi hội trưởng		48.372.000	28.507.000	
+	Công tác phí		4.800.000	4.800.000	
+	Hoạt động		13.500.000	27.276.600	
-	Hội Nông dân		120.210.630	135.834.337	113,0
+	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp		64.213.830	72.793.587	
+	Phụ cấp PCT Hội ND		4.336.800	13.789.350	
+	Phụ cấp Chi hội trưởng		33.360.000	28.628.000	
+	Công tác phí		4.800.000	4.800.000	
+	Hoạt động		13.500.000	15.823.400	
-	Hội Cựu chiến binh		162.411.030	160.199.337	98,6
+	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cán bộ		74.055.030	80.586.337	
+	Phụ cấp PCT Hội CCB		21.684.000	25.026.000	
+	Phụ cấp Chi hội trưởng		48.372.000	28.507.000	
+	Công tác phí		4.800.000	4.800.000	
+	Hoạt động		13.500.000	21.280.000	
5	Chi hoạt động các tổ chức xã hội khác		40.000.000	59.116.000	147,8
-	Phụ cấp cán bộ hội cao tuổi và các hội xã hội khác		12.000.000	9.600.000	
-	Chi hoạt động Hội Người cao tuổi		4.000.000	5.896.000	
-	Chi hoạt động Hội chữ thập đỏ		2.500.000	11.700.000	
-	Chi hoạt động Hội Khuyến học		4.500.000	10.560.000	
-	Chi hoạt động Hội cựu giáo chức (bao gồm cả đại hội)		10.000.000	14.960.000	
-	Chi hoạt động Hội nạn nhân chất độc da cam Dioxin		4.500.000	3.900.000	
-	Chi hoạt động Hội cựu TN xung phong		2.500.000	2.500.000	

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch UBND Thành Phố giao	Kế hoạch HĐND Phường giao	Thực hiện	Đạt tỷ lệ % so với kế hoạch HĐND Phường giao
VIII	Sự nghiệp kinh tế, quản lý đô thị	233.000.000	233.000.000	374.094.600	160,6
1	Chi sự nghiệp nông nghiệp, khuyến nông, thú y		25.000.000	68.846.000	
2	Địa chính		10.000.000	4.900.000	
3	Thống kê, điều tra		15.000.000	23.390.000	
4	Thủy lợi		45.000.000	61.166.000	
-	Cấp bù thủy lợi phí		13.000.000	30.041.000	
-	Chi bảo vệ và phát triển đất trồng lúa		25.000.000	25.000.000	
-	Chi sự nghiệp thủy lợi khác		7.000.000	6.125.000	
5	Giao thông		18.000.000	8.949.000	
5	Môi trường		10.000.000	43.096.000	
6	Kiến thiết thị chính, quản lý đô thị		30.000.000	137.238.800	-
8	Sự nghiệp kinh tế khác		80.000.000	26.508.800	
IX	Chi khác Ngân sách	60.000.000	60.493.883	27.500.000	24,8
1	Hoạt động tổ chức Công đoàn		13.500.000	15.000.000	
2	Chi hỗ trợ đôi thuế		9.000.000	8.000.000	
3	Chi hỗ trợ hoạt động TT học tập cộng đồng		2.700.000		
4	Chi HĐ ban vì sự tiến bộ của phụ nữ		4.500.000		
5	Chi khác còn lại		30.793.883	4.500.000	
C	Chi tạo nguồn tăng lương		98.600.000		
D	Dự phòng ngân sách	191.000.000	191.000.000		
E	Chi chuyển nguồn sang năm sau			1.248.258.574	

Cân đối:

- Tổng thu ngân sách phường năm 2019: **7.627.675.525 đồng**
- Tổng chi ngân sách năm 2019: **7.101.779.017 đồng**
- Kết dư chuyển sang năm 2019: **525.896.508 đồng**

(Năm trăm hai mươi lăm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm linh tám đồng)

Số kết dư được chuyển vào nguồn thu ngân sách năm 2020 theo quy định.

3. Chi đầu tư phát triển bằng nguồn vốn tập trung:

Kế hoạch vốn đầu tư phát triển phần NSTP đầu tư trực tiếp và quản lý tại cấp 3 nên trong phần quyết toán NS ở trên chưa thể hiện, trong năm 2019 tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn được Thành phố, tỉnh cấp là : 9.567.610.000 đồng, cụ thể như sau:

Số TT	Tên công trình	Mã dự án	Tổng số vốn được cấp	Số vốn đã thanh toán trong năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ		9.754.300.000	9.567.610.000	
1	Nhà bộ môn kết hợp phục vụ học tập 3 tầng trường Trung học cơ sở Nguyễn Du	7707677	6.000.000.000	6.000.000.000	
2	Đường giao thông trục tổ dân phố Phường Nguyễn Du năm 2018	7695324	189.000.000	189.000.000	
3	Đường giao thông ngõ tổ dân phố Phường Nguyễn Du năm 2018	7695323	39.000.000	39.000.000	
4	Rãnh thoát nước 50 x 60 Phường Nguyễn Du năm 2018	7734462	5.000.000	5.000.000	
5	Nhà văn hóa Tổ dân phố 3 Phường Nguyễn Du năm 2018	7695327	373.900.000	373.900.000	
6	Nhà văn hóa Tổ dân phố 6 Phường Nguyễn Du năm 2018	7695328	1.000.000.000	813.407.000	
7	Mương thoát bần 30 x 40 Phường Nguyễn Du năm 2018	7733781	30.000.000	30.000.000	
8	Thảm nhựa đường giao thông Phường Nguyễn Du năm 2018	7695322	337.000.000	337.000.000	
9	Cải tạo nhà học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Nguyễn Du	7707576	300.000.000	300.000.000	
10	Hạ tầng khu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng Doanh trại BCH quân sự TP Hà Tĩnh	7578150	211.000.000	210.903.000	
11	Nâng cấp cải tạo trung tâm hành chính phường Nguyễn Du	7734465	1.200.000.000	1.200.000.000	
12	Thảm nhựa nóng ngõ 26 đường Xuân Diệu (2017)	7693458	21.300.000	21.300.000	
13	Thảm nhựa các tuyến đường giao thông (2017)	7693459	39.600.000	39.600.000	
14	Đường giao thông Phường Nguyễn Du năm 2017	7629575	8.500.000	8.500.000	

PHẦN THỨ HAI

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Thực hiện Nghị quyết của HĐND Phường Nguyễn Du về giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2020. Trong 6 tháng đầu năm dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy, UBND phường luôn bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, triển khai nhiều giải pháp, tuyên truyền và thực hiện thu các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định. Đồng thời thực hiện nghiêm túc việc điều hành quản lý chi ngân sách theo kế hoạch. Ban hành Quyết định giao dự toán chi ngân sách cho các ban ngành, đoàn thể tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí được giao kèm theo quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo quy chế quản lý và điều hành ngân sách của UBND phường. Tiết kiệm chi tiêu hành chính, thực hiện theo kế hoạch và chế độ quy định, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trên địa bàn. Tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nên việc thực hiện nhiệm vụ thu chi theo kế hoạch gặp nhiều khó khăn, đạt kết quả còn thấp.

-Tổng thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước đạt: 12.472.103.205 **đồng, bao gồm:**

+Thu các khoản theo chỉ tiêu kế hoạch: 10.000.338.631 đồng, đạt 8,7 % kế hoạch giao.

+Thu chuyển nguồn : 1.248.258.574 đồng

+Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 1.220.358.000 đồng

+Thu nợ đóng góp XD CSHT: 3.148.000 đồng

-Thu ngân sách Phường được hưởng ước đạt: 4.064.676.065 đồng, bao gồm:

+Thu các khoản theo chỉ tiêu kế hoạch: 1.592.911.491 đồng đạt 50,0 % kế hoạch giao và đạt 92,7% so với cùng kỳ năm 2019

+Thu chuyển nguồn : 1.248.258.574 đồng

+Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 1.220.358.000 đồng

+Thu nợ đóng góp XDCS HT: 3.148.000 đồng

-Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm ước đạt: 2.342.671.663 đồng, trong đó chi đầu tư XD CB: 70.544.574 đồng, chi thường xuyên: 1.991.253.692 đồng đạt 43,7 % Kế hoạch giao

Những kết quả cụ thể như sau:

1. Về Thu ngân sách:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch HĐND Phường giao		Ước thực hiện 6 tháng		Đạt TH/KH (%)	
		NSNN	NS Phường được hưởng	NSNN	NS Phường được hưởng	NSNN	NS phường
	Tổng thu ngân sách	117.449.000.000	5.055.000.000	12.472.103.205	4.064.676.065		
I	Thu ngân sách theo chỉ tiêu KH	115.572.000.000	3.178.000.000	10.000.338.631	1.592.911.491	8,7	50,0
1	Thuế ngoài quốc doanh	9.786.000.000	407.000.000	4.723.726.487	186.778.641	48,3	45,9
-	Thuế GTGT Hộ cá thể	2.036.000.000	407.000.000	909.255.030	181.851.176	44,7	44,7
+	<i>Trong đó thuế XD nhà ở tư nhân</i>			263.085.000	52.617.000		
-	Thuế GTGT + TNDN của Doanh nghiệp	7.750.000.000	0	3.804.616.527	0	49,1	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			9.854.930	4.927.465		
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	572.000.000	572.000.000	600.383.573	600.383.573	94,4	94,4
3	Phí, lệ phí	285.000.000	234.000.000	167.549.000	118.889.000	58,8	50,8
-	<i>Phí, lệ phí theo phân cấp</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>	86.449.000	86.449.000		
-	<i>Lệ phí môn bài</i>	<i>85.000.000</i>	<i>34.000.000</i>	81.100.000	32.440.000		
4	Lệ phí trước bạ	1.885.000.000	1.885.000.000	652.370.277	652.370.277	34,6	34,6
5	Thu khác ngân sách xã	80.000.000	80.000.000	34.490.000	34.490.000	43,1	43,1
-	Thu phạt vi phạm HC			34.490.000	34.490.000		
6	Thuế thu nhập cá nhân	2.664.000.000	0	2.100.739.493	0	78,9	
7	Tiền thuê đất	4.300.000.000	0	383.749.850	0	8,9	
8	Tiền sử dụng đất	96.000.000.000	0	1.337.329.951	0	1,4	
III	Thu đóng góp XDCS hạ tầng			3.148.000	3.148.000		
II	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.877.000.000	1.877.000.000	1.220.358.000	1.220.358.000		
1	Thu BS cân đối	1.877.000.000	1.877.000.000	938.408.000	938.408.000		50,0
2	Thu BS có mục tiêu			281.950.000	281.950.000		
III	Thu chuyển nguồn			1.248.258.574	1.248.258.574		

2. Về chi ngân sách

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	KH TP giao	KH HĐND phường giao	Ước thực hiện 6 tháng	Đạt tỷ lệ % KH HĐND Phường giao
	Tổng chi ngân sách	5.055.000.000	5.055.000.000	2.342.671.663	
A	Chi đầu tư XD CB			70.544.574	

B	Chi thường xuyên	4.658.750.000	4.557.380.000	1.991.253.692	43,7
I	Chi sự nghiệp an ninh	35.000.000	31.500.000	16.235.000	51,5
II	Chi sự nghiệp quốc phòng +DQ tự vệ	161.000.000	151.000.000	77.892.000	48,4
1	Phụ cấp dân quân tự vệ + thâm niên BCH quân sự			19.042.000	
2	Chi hoạt động			58.850.000	
III	Chi sự nghiệp văn hóa + hoạt động cụm dân cư	60.000.000	54.500.000	23.440.000	39,0
1	Chi sự nghiệp văn hóa, truyền thanh		32.000.000	13.440.000	
2	Chi hoạt động cụm dân cư		22.500.000	10.000.000	
IV	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	25.000.000	22.500.000	0	
V	Chi sự nghiệp xã hội	169.000.000	165.400.000	109.923.200	64,7
1	Hưu xã + BHYT CB hưu xã			48.534.900	
2	Bảo hiểm y tế CCB + Cựu QN			16.494.300	
3	Chi sự nghiệp xã hội khác			44.894.000	
-	Quà cụ cao tuổi			26.450.000	
-	Chi khác			18.444.000	
VI	Chi quản lý nhà nước - Đảng, đoàn thể	3.882.339.000	3.644.369.000	1.757.128.492	46,0
1	Chi quản lý nhà nước		2.101.357.067	955.049.940	46,4
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp			496.179.303	
-	Tiền công CB hợp đồng + trưởng phó các tổ chức hội xã hội			22.500.000	
-	Phụ cấp CB không chuyên trách + bảo hiểm			43.797.000	
-	Phụ cấp CB tổ trưởng tổ dân phố			59.226.000	
-	Phụ cấp cán bộ trực 1 cửa			9.000.000	
-	Chi bồi dưỡng những người trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ khác ở TDP			39.000.000	
-	PC cán bộ kiểm soát đầu mối			1.800.000	
-	Chi hoạt động ngành dân số			2.500.000	
-	Chi hội nghị			13.630.000	
-	Chi văn phòng phí, vật liệu rẻ			14.092.300	
-	Nước văn phòng			3.600.000	
-	Điện thấp sáng, nước sinh hoạt, phí môi trường			24.749.337	
-	Quỹ khen thưởng			16.660.000	
TT	Nội dung	KH TP giao	KH HĐND phường giao	Ước thực hiện 6 tháng	Đạt tỷ lệ % KH HĐND

					Phường giao
-	Điện thoại + internet			49.78.600	
-	Chi sửa chữa nhỏ			7.200.000	
-	Chi hoạt động			201.116.000	
2	Chi hoạt động khối Đảng		646.215.710	402.493.046	62,3
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp			107.979.546	
-	Phụ cấp cấp ủy			34.866.000	
-	PC Bí thư Chi bộ kiêm trưởng ban công tác Mặt trận			71.071.500	
-	PC CB ủy ban kiểm tra			3.576.000	
-	Chi hoạt động (bao gồm cả đại hội)			185.000.000	
3	Hoạt động Mặt trận		134.388.934	62.237.490	46,3
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp			37.921.990	
-	Phụ cấp PCT UBMTTQ			14.718.500	
-	Chi hoạt động			9.597.000	
4	Chi hoạt động Đoàn thanh niên		92.698.770	45.674.394	49,3
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp			32.537.586	
-	Chi hoạt động			13.136.808	
5	Chi hoạt động Hội phụ nữ		134.436.330	63.261.174	47,1
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp			38.573.874	
-	PC CB không chuyên trách + bảo hiểm			14.301.300	
-	Chi hoạt động			10.386.000	
6	Chi hoạt động Hội nông dân		131.262.330	62.547.174	47,7
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp			38.573.874	
-	PC CB không chuyên trách + bảo hiểm			16.089.300	
-	Chi hoạt động			7.884.000	
-	Chi hoạt động khác			3.550.000	
7	Chi hoạt động Hội Cựu chiến binh		138.281.860	63.075.674	45,6
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp			42.328.674	
-	PC CB không chuyên trách			13.410.000	
-	Chi hoạt động khác			7.337.000	
8	Chi hoạt động các tổ chức xã hội khác		51.600.000	11.093.000	21,5

-	Phụ cấp trưởng các Tổ chức xã hội			3.600.000	
-	Hoạt động hội cao tuổi			4.393.000	
TT	Nội dung	KH TP giao	KH HĐND phường giao	Ước thực hiện 6 tháng	Đạt tỷ lệ % KH HĐND Phường giao
-	Hoạt động hội chữ thập đỏ			1.100.000	
-	Hoạt động hội khuyến học			2.000.000	
9	Chi hoạt động Hội đồng nhân dân		203.400.000	91.696.600	46,4
-	PC sinh hoạt phí Đại biểu HĐND + BH YT			62.490.600	
-	Phụ cấp kiêm nhiệm các Ban HĐND			8.046.000	
-	Chi hoạt động khác			21.160.000	
VII	Chi sự nghiệp kinh tế, quản lý đô thị	266.411.000	266.411.000	77.924.426	29,7
-	Hoạt động khuyến nông, thú y			22.300.000	
-	Kiến thiết thị chính			35.125.426	
-	Hoạt động thủy lợi			18.220.000	
-	Hoạt động môi trường			2.279.000	
VIII	Chi khác Ngân sách	60.000.000	221.700.000	6.635.000	5,7
C	Chi thực hiện cải cách tiền lương	267.000.000	368.370.000	0	
D	Chi dự phòng ngân sách	129.250.000	129.250.000	0	

PHẦN THỨ BA
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THU - CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Để thực hiện tốt nhiệm vụ thu chi ngân sách trong 6 tháng cuối năm cần tập trung một số nhiệm vụ giải pháp như sau:

I. Về thu ngân sách:

- Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật về thuế bằng nhiều hình thức để các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh nắm bắt kịp thời, đầy đủ các chính sách, pháp luật về thuế. Tăng cường công tác hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời tiếp tục rà soát, kiểm tra, lập bộ và thu bổ sung đối với các sắc thuế theo kế hoạch giao như: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế thầu xây dựng nhà ở tư nhân, thuế kinh doanh xe vận tải...

- Tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn, tạo nguồn thu lớn, ổn định và bền vững cho ngân sách địa phương, tiếp tục khai thác tối đa các nguồn thu còn tiềm năng như: Thuế ngoài quốc doanh và các loại phí, lệ phí đặc biệt là phí sử dụng vỉa hè. Đồng thời tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các hộ kinh doanh trên địa bàn vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tiếp tục tăng cường phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp thuế cho nhà nước theo đúng chỉ tiêu kế hoạch.

-Phối hợp với các trường học trên địa bàn, tăng cường tuyên truyền vận động, thực hiện các biện pháp phù hợp để thu nợ xây dựng cơ sở vật chất tại các trường học năm học 2018 – 2019.

II. Về chi ngân sách:

-Tăng cường quản lý và điều hành Ngân sách. Thực hiện nghiêm túc dự toán chi ngân sách đã được giao, đáp ứng nhiệm vụ chi thường xuyên và đột xuất trong năm.

-Thực hiện tốt các quy định, chính sách mới về điều hành ngân sách và các biện pháp tiết kiệm chi tiêu ngân sách, chống lãng phí. Nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ tài khoản trong việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí.

-Tiếp tục hoàn thiện nâng cao chất lượng các chỉ tiêu xây dựng đô thị văn minh theo nghị quyết HĐND Phường đã đề ra, đảm bảo phù hợp với thực tế đơn vị trong điều kiện hạn chế về nguồn ngân sách.

-Các ban ngành, đoàn thể phải chủ động thực hiện các nhiệm vụ chi theo nguồn kinh phí hoạt động đã được HĐND giao cho phù hợp với điều kiện thực tế trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Có biện pháp giảm chi ngân sách khi nguồn thu không đảm bảo do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 để đảm bảo cân đối thu chi ngân sách theo quy định.

-Tiếp tục tuyên truyền vận động để huy động nguồn lực trong nhân dân xây dựng các công trình mục tiêu theo pháp lệnh dân chủ cơ sở, đồng thời có biện pháp thu tiền xây dựng cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn để thanh toán nợ các công trình đã thực hiện trong năm học 2018-2019.

-Thực hiện tốt quy định của cấp trên về kiện toàn bộ máy cán bộ bán chuyên trách từ cấp phường đến tổ dân phố, ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện cải cách tiền lương, chi trả kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho cán bộ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động các cơ quan doanh nghiệp đóng trên địa bàn để thu nộp quỹ phòng chống thiên tai theo kế hoạch được cấp trên giao.

Trên đây là nội dung báo cáo tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2019, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020. Thông qua HĐND kỳ họp thứ 12 HĐND phường Nguyễn Du khóa III, đề đại biểu tập trung thảo luận đóng góp nhiều giải pháp giúp cho UBND Phường có kế hoạch trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách đạt chỉ tiêu kế hoạch trong 6 tháng cuối năm 2020 đã đề ra./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND, các phòng ban liên quan thành phố Hà Tĩnh;
- UVBTV Thành ủy phụ trách địa bàn;
- TT. Đảng ủy, HĐND, UBND;
- Mặt trận và các đoàn thể nhân dân;
- Các đại biểu HĐND khóa III;
- Các tổ dân phố;
- Lưu VP-HĐND, UBND, KT./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dương Đình Phúc

